TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/HC-PT
Ngày 05/4/2018
V/v *" Kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Thiện
Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh
Ông Đoàn Ngọc Thiện

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Đại Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thành Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 03/2018/TLPT-HC ngày 26 tháng 02 năm 2018, về việc khởi kiện các "*Quyết định hành chính và hành vi hành chính về quản lý đất đai".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 3 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐ-PT ngày 29/3/2018, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 02/2018/QĐ-PT ngày 04/4/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Bùi Quang H (Vắng mặt)
Bà Đặng Thị K (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường Q, thành phố V, tỉnh BR-VT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc C; Địa chỉ: Phường N, thành phố V, tỉnh BR-VT (Có mặt).

2. Người bị kiện: Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V. Địa chỉ: Phường 1, thành phố V, tỉnh BR-VT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang H - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V, vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Bùi Quang H và bà Đặng Thị K

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án ông Bùi Quang H, bà Đặng Thị K và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quốc C trình bày:*

Năm 2002, ông H và bà K mua 156,7m^2 đất cùng các căn nhà trên đất của cha mẹ là ông (bà) Bùi Xuân M, Nguyễn Thị R. Trong đó phần đất có 102,0m^2 thuộc thửa 351 tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 2000) đã được UBND thành phố V cấp GCNQSDĐ, QSH nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BM 625400 ngày 11/01/2013. Phần đất còn lại 54,7m^2 thuộc thửa số 164 tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 2000), phường Q, trên đất có nhà cấp 4 do ông M xây dựng từ năm 2000 nộp thuế đất phi nông nghiệp cho 54,7m^2 từ 1993 (truy thu năm 2011) cho tới năm 2015.

Ngày 14/6/2016, ông H, bà K nộp bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSDĐ đất cho 54,7m^2 đất tại bộ phận tiếp nhận và giao trả kết quả thuộc UBND thành phố V.

Ngày 07/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V (Gọi là CNVPDK đất đai) có Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK trả hồ sơ cấp GCNQSDĐ, QSH nhà và tài sản khác gắn liền với đất của ông H, bà K với lý do hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5, Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Ông H, bà K xác định 54,7m^2 đất ông bà đề nghị cấp GCNQSDĐ đất hoàn toàn đủ điều kiện để được xem xét cấp GCNQSDĐ đất, căn cứ như sau:

Nguồn gốc thửa đất ông H, bà K xin cấp giấy 156,7m^2. Tuy nhiên, chỉ có 54,7m^2 là chưa có GCNQSDĐ, phần đất này có nguồn gốc là sân phơi cá do ông Bùi Xuân M cất sàn từ trước năm 1993, năm 1998 ông M xây kè đổ đất và tiếp tục làm sân phơi cá, năm 2000 ông M xây phòng trọ trên đất để cho thuê. Năm 2002 ông M bán toàn bộ phần nhà đất này cho con là ông H, bà K sử dụng. Trong suốt quá trình sử dụng đất, không có thông tin về việc các cơ quan chức năng xử lý vi phạm, sau đó đổ đất san lấp, làm nhà ở của ông M.

Tại bản đồ địa chính năm 1993 diện tích 54,7m^2 chưa hình thành nên không thể hiện trên bản đồ. Tại bản đồ địa chính năm 2000 (phê duyệt năm 2002) diện tích này thuộc 1 phần thửa 164, tờ bản đồ số 09 do ông M đứng tên đăng ký.

Về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất: Theo xác nhận tại hồ sơ cấp giấy ngày 13-7-2016 và theo Văn bản số 207/UBND-ĐC đề ngày 23-5-2017 của UBND phường 5, thành phố V thể hiện theo Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến

năm 2020, kế hoạch sử dụng đất chi tiết 05 năm kỳ đầu (2011-2015) thì phần diện tích 54,7m^2 ông H, bà K đề nghị cấp giấy có một phần nằm trong quy hoạch đất ở tại đô thị + một phần nằm trong quy hoạch mở đường giao thông.

Theo Văn bản số 2013/TNMT-QHKH ngày 17-8-2017 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V thì phần diện tích đất 54,7m^2 của ông H thuộc quy hoạch sử dụng đất ở tại đô thị. Phần đất 54,7m^2 hiện ông H, bà K đề nghị cấp giấy chứng nhận không có giấy tờ về đất đai theo điều 100 Luật Đất đai, nhưng đã làm nhà ở trước ngày 01/7/2004, phù hợp quy hoạch sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Về tình trạng tranh chấp, khiếu nại: Theo biên bản họp ngày 26/6/2016 của khu dân cư tại thửa đất ông H, bà K sử dụng, cũng như theo xác nhận ngày 13-7-2016 của UBND phường Q thì đất trên không có đơn tranh chấp.

Căn cứ quy định Điều 101 Luật Đất đai và khoản 3, khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì 54,7m^2 đất của ông H, bà K theo hồ sơ địa chính phường Q lập năm 1993 là đất biển nhưng đã được sử dụng ổn định vào mục đích đất ở trước ngày 01/7/2004, nay phù hợp quy hoạch sử dụng đất nên đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

CNVPDK đất đai căn cứ vào khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP để trả hồ sơ đăng ký, cấp QSDĐ đất, quyền sở H nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hồ sơ của ông H, bà K mà không viện dẫn được điều luật về nội dung là không đúng quy định pháp luật. Vì vậy, người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK ngày 07/9/2016 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V;

- Buộc CNVPDK đất đai tiếp nhận lại hồ sơ cấp GCNQSDĐ của ông H, bà K và giải quyết các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

[2] *Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố V trình bày*:

Nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 54,7m^2 ông H, bà K trình bày là đúng xác nhận của UBND phường Q, Tp V.

Tại bản đồ địa chính năm 1993, diện tích 54,7m^2 chưa hình thành nên không thể hiện trên bản đồ, tại bản đồ địa chính năm 2000 (phê duyệt năm 2002) phần diện tích này thuộc 1 phần thửa 164, tờ bản đồ số 09 do ông M đứng tên đăng ký. Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố V được UBND tỉnh B phê duyệt theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 thì vị trí 54,7m^2 đất của ông H, bà K đăng ký cấp GCNQSDĐ thuộc đất biển. Phần đất này có nguồn gốc lấn chiếm sử dụng đất vào mục đích để ở nằm ngoài ranh quy hoạch, không phù hợp quy hoạch. Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP thì hồ sơ của ông H, bà K không đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ,

do đó không có cơ sở để hủy Thông báo số 2728/TB-CNVPDK ngày 07/9/2016 của CNVPDK đất đai.

[3] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu căn cứ các Điều 30, Điều 31; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157 và Điều 193 của Luật Tố tụng Hành chính; khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông H, bà K đối với CNVPDK đất đai về việc khiếu kiện Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK ngày 07/9/2016 và hành vi hành chính không thực việc cấp GCNQSDĐ, quyền sở H nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

[4] Ngày 26/12/2017, ông H, bà K kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu với lý do:

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã không xác minh đầy đủ các tình tiết khách quan, có những sai lầm nghiêm trọng trong áp dụng pháp luật để giải quyết án, gây thiệt hại quyền lợi hợp pháp, lợi ích chính đáng của người sử dụng đất và làm mất đi tính đúng đắn của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; hủy Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK ngày 07/9/2016 của CNVPDK đất đai. Buộc CNVPDK đất đai tiếp nhận lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết các thủ tục tiếp theo đúng qui định pháp luật.

[4] *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định đúng pháp luật.

Về nội dung: Trường hợp sử dụng 54,7m^2 đất của gia đình anh H là trước năm 1993, có nhà ở vào năm 2000 không bị xử phạt, không ai tranh chấp, tại Công văn số 2013/TNMT-QHKT ngày 17/8/2017 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường TP V cho biết 54,7m^2 đất của ông H, bà K đăng ký cấp giấy chứng nhận thuộc qui hoạch đất ở tại đô thị, do đó căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014 thì ông H, bà K cũng đủ điều kiện để xem xét cấp GCNQSD đất.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính 2015, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo hướng chấp nhận đơn kiện của ông H, bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông H, bà K nộp trong thời hạn và có hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét. Tại phiên tòa người khởi kiện vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự hai lần nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết được Tòa sơ thẩm xác định là đúng.

[3] Xét nội dung kháng cáo của Người khởi kiện:

[3.1] Nguồn gốc thửa đất ông H, bà K xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất diện tích 156,7m^2, nhưng chỉ có 54,7m^2 là chưa có GCNQSD đất, nay ông H bà K xin cấp GCNQSD đất phần diện tích này (hợp thửa với phần 102,0m^2 đã có GCNQSD đất).

Theo xác nhận của UBND phường Q ngày 13/7/2016 trong Hồ sơ xin cấp GCNQSD đất của ông H, bà K thì 54,7m^2 đất có nguồn gốc là sân phơi cá do ông Bùi Xuân M (cha ruột ông H) cất sàn từ trước năm 1993. Năm 1998 ông M xây kè đổ đất và tiếp tục làm sân phơi cá, năm 2000 ông M xây phòng trọ trên đất để cho thuê. Năm 2002 ông M bán toàn bộ phần nhà đất này cho con là trai ông H, con dâu là bà K sử dụng đến nay không có ai tranh chấp.

[3.2] Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V ban hành Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK ngày 07/9/2016 về việc trả lại hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông H, bà K cho rằng đất có nguồn gốc lấn biển là không hợp pháp, được xem xét như sau:

Việc sử dụng đất của gia đình ông M trước năm 1993 được áp dụng theo Luật đất đai năm 1993 để xem xét có vi phạm pháp luật hay không.

Tại Điều 5 Luật Đất đai 1993 qui định:

Nhà nước khuyến khích người sử dụng đất đầu tư lao động, vật tư, tiền vốn và áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật vào các việc sau đây:

- Khai hoang, vỡ hoá, lấn biển, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, đất cồn cát ven biển để mở rộng diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản và làm muối;

Gia đình ông M (sau này là gia đình anh H) sử dụng đất không bị cơ quan nhà nước ngăn chặn hoặc xử lý vi phạm về việc sử dụng đất biển. Gia đình ông M sử dụng đất liên tục và đã đăng ký nguyên thửa đất 164, tờ bản đồ 09 phường Q diện tích 156,7m^2 (trong đó có 54,7m^2 đất đang yêu cầu cấp GCNQSD đất) đã xây nhà từ năm 2000, sử dụng ổn định đến nay, không ai tranh chấp.

[3.3] Về vấn đề qui hoạch của 54,7m^2 này như sau:

Công văn số 493/QLĐT-QHKT ngày 27/3/2018 của Phòng quản lý Đô thị TP V cho biết: Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư nam sân bay TP V được phê duyệt theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 thì vị trí 54,7m^2 đất của ông H, bà K đăng ký cấp giấy chứng nhận thuộc đất biển, có khoảng 3,3m^2 thuộc qui hoạch đất ở, phần còn lại ngoài qui hoạch.

Công văn số 207/UBND-ĐC ngày 23/5/2018 của UBND phường Q thành phố V trả lời: Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố V được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 thì vị trí 54,7m^2 đất của ông H, bà K đăng ký cấp giấy chứng nhận thuộc qui hoạch đất ở đô thị (ODT).

Công văn số 2013/TNMT-QHKT ngày 17/8/2017 của Phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố V cho biết: Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2000 được phê duyệt theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND tỉnh B thì vị trí 54,7m^2 đất của ông H, bà K đăng ký cấp giấy chứng nhận thuộc qui hoạch đất ở tại đô thị.

Tại Công văn số 2804/TNMT-QHKT ngày 24/8/2015 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh B hướng dẫn một số vướng mắc trong công tác cấp GCNQSD đất của UBND thành phố V như sau:

Việc áp dụng quy hoạch để xem xét cấp GCNQSD đất là qui hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đang có hiệu lực thi hành. Trường hợp qui hoạch sử dụng đất chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì áp dụng qui hoạch chi tiết xây dựng đô thị, qui hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn.

Hướng dẫn này của Sở Tài Nguyên và Môi trường là đúng với nguyên tắc áp dụng pháp luật là phải áp dụng pháp luật chuyên nghành.

Quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/2000 Khu dân cư nam sân bay thành phố V được phê duyệt theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 10/5/2006 là căn cứ theo Luật Xây dựng năm 2003.

Quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 và Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND tỉnh

B căn cứ theo Luật đất đai. Vì vậy diện tích 54,7m^2 đất của ông H, bà K đang sử dụng thuộc qui hoạch đất ở tại đô thị.

[3.4] Trường hợp sử dụng 54,7m^2 đất của gia đình ông H trước năm 1993, có nhà ở vào năm 2000 không bị xử phạt, không ai tranh chấp, hiện nay thuộc qui hoạch đất ở tại đô thị, do đó căn cứ điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014 thì ông H, bà K cũng đủ điều kiện để xem xét cấp GCNQSD đất.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT nhận định áp dụng điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014 để công nhận quyền sử dụng đất 54,7m^2 cho ông H, bà K và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H, bà K để sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông H, bà K sửa bản án sơ thẩm để hủy Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK ngày 07/9/2016 của CNVPĐK đất đai TP V; buộc CNVPĐK đất đai TP V tiếp nhận lại hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông H, bà K và giải quyết các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí Tòa án thì CNVPĐK đất đai TP V phải nộp 300.000đ. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông H, bà K.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí Tòa án thì ông H, bà K không phải chịu, trả lại tạm ứng án phí cho ông H, bà K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính 2015.

Áp dụng: Điểm b khoản 3 và khoản 5 Điều 22 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 và khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Quang H và bà Đặng Thị K, sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2017/HC-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố V như sau:

1.1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang H và bà Đặng Thị K, hủy Thông báo số 2728/TB-CNVPĐK ngày 07/9/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

1.2 Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V tiếp nhận lại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Quang H, bà Đặng Thị K

đối với diện tích 54,7m^2 đất thuộc thửa số 164 tờ bản đồ số 09 (bản đồ năm 2000), phường 5, thành phố V và giải quyết các thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông Bùi Quang H, bà Đặng Thị K không phải nộp; trả lại cho ông H, bà K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007967 ngày 03/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố V.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Bùi Quang H, bà Đặng Thị K không phải nộp; trả lại cho ông H, bà K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009711 ngày 26/12/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố V.

4. Các đương sự có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định theo quy định tại các Điều 309, 311, 312 Luật tố tụng hành chính.

5. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 05/4/2018.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh;
- TAND TP. V;
- VKSND TP. V;
- Chi Cục THADS TP VT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Đào Đức Thiện